TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/DS-PT
Ngày: 13 - 5 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh N – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/4/2020 và 13/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLPT-DS ngày 10/01/2020 về Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chế Văn L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số nH 485, ấp Phú Hòa, xã Phú Long, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Chế Văn H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số nH 419, ấp Phú Thạnh, xã Phú Long, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Trần Thị C, sinh năm 1960;

2. Chế Thị Minh N, sinh năm 1985;

3. Chế Thị Minh H, sinh năm 1989;

4. Chế Thị Minh V, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Số nH 419, ấp Phú Thạnh, xã Phú Long, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà C, chị N, chị V và chị H là*: Ông Chế Văn H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số nH 419, ấp Phú Thạnh, xã Phú Long, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Lê Văn L, sinh năm 1960 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Phú Thạnh, xã Phú Long, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ khác: Số nH 68/4, Đường số 3, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, tHnh phố Hồ Chí Minh.

6. Phạm Thị Đ, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu dân cư ấp Phú Thạnh, xã Phú Long, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Chị Phạm Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Chế Văn L trình bày:

Năm 2005, vợ chồng ông Chế Văn H và bà Trần Thị C có chuyển nhượng cho anh diện tích đất 4.662m^2 thuộc thửa 98, tờ bản đồ số 04 tại xã Phú Long, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, giá 80 chỉ vàng 24k. Giấy chứng nhận QSD đất do ông Chế Văn H đứng tên cấp ngày 27/12/1993. Hai bên có làm "Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/3/2006 có xác nhận của UBND xã Phú Long.

Ông H, bà C đã nhận đủ 80 chỉ vàng 24k và giao cho anh quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 98 từ năm 2005 đến nay nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất theo quy định. Do tại thời điểm thỏa thuận chuyển

nhượng thì ông H, bà C đang thế chấp Giấy chứng nhận QSD đất để vay tiền Ngân Hng. Ông H, bà C có hứa sẽ sử dụng số vàng chuyển nhượng để trả nợ vay Ngân Hng và làm thủ tục chuyển nhượng cho anh nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Đến khoảng năm 2012, ông Lê Văn L (Anh bà con bạn dì của ông H) có nói với anh là ông L đã bỏ tiền ra trả nợ vay Ngân Hng thay cho ông H, bà C và ông L đang giữ Giấy chứng nhận QSD đất ngày 27/12/1993 cấp cho Chế Văn H trong đó có thửa đất số 98 tờ bản đồ số 04 diện tích 4.662 m^2.

Sau đó, Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện C có thông báo cho anh biết việc Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện C đã tạm dừng giao dịch đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.662 m^2.

Vì vậy, anh yêu cầu ông H, bà C tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSD đất để anh được đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa số 98 tờ bản đồ số 04 diện tích đo đạc thực tế là 4.893,8m^2. Vị trí, đất trong phạm vi các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-1 theo Trích đo hiện trạng đất tranh chấp (chỉnh lý) ngày 12/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa anh với vợ chồng ông H, bà C bị hủy hoặc vô hiệu thì anh đồng ý trả lại cho ông H, bà C thửa đất số 98. Đồng thời, anh yêu cầu ông H và bà C liên đới trả lại 80 chỉ vàng 24k và bồi thường thiệt hại cho anh tiền chênh lệch giá trị đất chuyển nhượng là 315.439.420 đồng. Anh không yêu cầu các con ông H bà C là N, H và V liên đới trả 80 chỉ vàng 24k và bồi thường thiệt hại tiền chênh lệch giá đất chuyển nhượng 315.439.420 đồng.

- Bị đơn ông Chế Văn H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C và các chị Chế Thị Minh N, Chế Thị Minh V, Chế Thị Minh H (Ủy quyền cho ông H) trình bày:

Phần đất ruộng thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.662m^2 (Diện tích đo đạc thực tế là 4.893,8m^2) Giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 27/12/1993 do ông Chế Văn H đứng tên. Phần đất này là tài sản chung của vợ chồng ông. Các con ông là N, H và V không có quyền về tài sản đối với thửa đất số 98. Vì tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông thì N, H và V còn nhỏ, không có công sức đóng góp, tạo lập QSD đất.

Năm 2005, vợ chồng ông có chuyển nhượng cho anh Chế Văn L toàn bộ thửa đất số 98 với giá 80 chỉ vàng 24k. Hai bên có làm "Văn bản thỏa thuận

chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/3/2006 có xác nhận của UBND xã Phú Long. Vợ chồng ông đã nhận đủ 80 chỉ vàng 24k và đã giao cho anh L quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất số 98 từ năm 2005 đến nay, nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất theo quy định pháp luật. Do tại thời điểm chuyển nhượng thì vợ chồng ông đang thế chấp Giấy chứng nhận QSD đất để vay tiền Ngân Hng phát triển nH đồng bằng sông Cửu Long chi nhánh huyện C. Đến khoảng năm 2009 - 2011, ông Lê Văn L (Là anh ông H) đã bỏ tiền ra trả nợ vay Ngân Hng thay cho ông và giữ Giấy chứng nhận cho đến nay. Ngoài ra, Chi cục thi Hnh án dân sự huyện C có công văn số 122/CV-CCTHA ngày 09/11/2011 về việc tạm dừng giao dịch đối với thửa đất số 98 để bảo đảm thi Hnh Bản án số 50/2011/DS-PT ngày 16/02/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Do đó, vợ chồng ông và các tHnh viên trong hộ gia đình là N, H và V đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSD đất theo yêu cầu của anh L.

Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng QSD đất bị hủy hoặc vô hiệu thì vợ chồng ông đồng ý liên đới trả cho anh L số vàng chuyển nhượng là 80 chỉ vàng 24k và bồi thường thiệt hại cho anh L tiền chênh lệch giá là 315.439.420 đồng. Vợ chồng ông không yêu cầu các con là N, H và V liên đới trả số vàng chuyển nhượng và tiền chênh lệch giá đất chuyển nhượng cho anh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L trình bày:

Trước năm 2011, ông Chế Văn H có vay 300.000.000 đồng của Ngân Hng phát triển nH đồng bằng sông Cửu Long chi nhánh huyện C. Đến hạn ông H mất khả năng thanh toán, Ngân Hng tiến Hnh thủ tục phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông thấy ông H đã thế chấp tài sản trong đó có các thửa đất có nguồn gốc là đất của ông bà của ông để lại do ông H đại diện đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất để vay tiền Ngân Hng nên ông tự nguyện bỏ tiền ra trả nợ vay Ngân Hng (Vốn 300.000.000 đồng và tiền lãi) thay cho ông H để giữ lại đất đai ông bà để lại, không bị phát mãi chuyển QSD đất cho người khác. Ngân Hng và ông H đồng ý cho ông trả nợ thay ông H và giao cho ông giữ Giấy chứng nhận QSD đất ngày 27/12/1993 cấp cho ông Chế Văn H gồm các thửa số: 98, 74, 185, 180, 187, 172, tờ bản đồ số 03, 04, tổng diện tích 23.904m^2 .

Trên thực tế thì ông đang quản lý sử dụng 02 thửa đất số 172 diện tích 3.280m^2 và thửa đất số 187 diện tích 4.300m^2 từ năm 2004. Vì 02 thửa đất này nguồn gốc mẹ ông chết để lại cho ông thừa kế từ năm 1978 (02 thửa 172; 187 thì ông L và ông H đang tranh chấp bằng vụ án khác, Tòa án nhân dân huyện C đang thụ lý giải quyết).

Anh Chế Văn L đang quản lý sử dụng thửa đất số 98, tờ bản đồ số 04 diện tích 4.662m^2 từ thời gian nào ông không biết. Các thửa đất số 74; 185; 180 hiện nay ai quản lý sử dụng thì ông cũng không biết.

Việc anh L yêu cầu hộ ông H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSD đất đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.662m^2 ông không ý kiến. Ông không có tranh chấp cũng không yêu cầu ông H, anh L hoặc những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án phải trả lại cho ông số tiền ông trả nợ vay Ngân Hng thay cho ông H là 300.000.000 đồng và tiền lãi. Ông sẽ yêu cầu ông H trả lại cho ông số tiền này hoặc sẽ kiện bằng vụ án khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ trình bày:

Bà là người được thi Hnh án theo Quyết định thi Hnh án số 425/QĐ-QĐ-CCTHA ngày 22/3/2011 và số 430/QĐ-CCTHA của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện C về việc thi Hnh Bản án số 50/2011/DS-PT ngày 16/02/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Theo đó, ông H, bà C phải liên đới trả cho bà số tiền 405.403.757 đồng nhưng đến nay bên ông H, bà C chưa thi Hnh án.

Chi cục thi Hnh án dân sự huyện C đã có Công văn số 122/CV-CCTHA ngày 09/11/2011 tạm dừng giao dịch đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.662m^2 nêu trên.

Vì vậy, bà yêu cầu hủy bỏ hoặc tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng QSD đất đối với thửa số 98, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.662m^2 giữa bên chuyển nhượng là ông H, bà C với bên nhận chuyển nhượng là anh L để bảo đảm thi Hnh án cho bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chế Văn L.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Đ.

3. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa anh Chế Văn L với ông Chế Văn H.

4. Anh Chế Văn L tiếp tục được quản lý, sử dụng thửa đất số 98 tờ bản đồ số 04 diện tích đo đạc thực tế là 4.893,8 m^2. Vị trí, diện tích thửa đất số 98 xác định bởi các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-1 theo Trích đo hiện trạng đất tranh chấp (chỉnh lý) ngày 12/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

5. Anh Chế Văn L, ông Chế Văn H, bà Trần Thị C và các tHnh viên trong hộ ông Chế Văn H có trách nhiệm đăng ký thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang cho anh Chế Văn L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 04 diện tích thực tế 4.893,8m^2 theo quy định pháp luật.

6. Ông Lê Văn L phải trả lại cho ông Chế Văn H Giấy chứng nhận QSD đất ngày 27/12/1993 cấp cho ông Chế Văn H để anh Chế Văn L, ông Chế Văn H, bà Trần Thị C đăng ký thủ tục chuyển quyền sử dụng đất tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 04 diện tích thực tế là 4.893,8m^2 theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi Hnh án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/6/2019 bà Phạm Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Chế Văn H với anh Chế Văn L tại thửa đất số 98 để bảo đảm thi Hnh án cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Đ vẫn giữ nguyên kháng cáo của mình, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp Hnh đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên nhận ngày 22/8/2005 và biên nhận ngày 08/10/2005 thì ông H có nhận của anh L tổng cộng 80 chỉ vàng 24k. Đây là số vàng mà ông H chuyển nhượng cho anh L 4.893,8m^2 đất thuộc thửa 98, tờ bản đồ số 04 tại xã Phú Long, huyện C, tỉnh Đồng Tháp được ông H và anh L thừa nhận. Việc hai bên chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật là do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H đang thế chấp tại Ngân Hng. Do đó, để tạo lòng tin hai bên đã làm "Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/3/2006 có xác nhận của UBND xã Phú Long, huyện C. Đồng thời, đất ông H đã giao cho anh L sử dụng từ năm 2005. Việc này được ông H và anh L thừa nhận và những người canh tác đất ở gần đó như ông Bùi Văn Bình, ông Võ Văn THnh xác nhận có biết việc ông H chuyển nhượng đất cho anh L từ rất lâu và thấy anh L sử dụng đất khoảng hơn 10 năm nay, khoảng năm 2007 – 2008.

[2] Căn cứ vào bản án dân sự phúc thẩm số 50/2001/DS-PT ngày 16/02/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và việc ông H với bà Đ thừa nhận vào tháng 7/2009 hai bên mới có giao dịch hợp đồng vay tài sản dẫn đến ông H nợ tiền bà Đ không trả được và Tòa án đã xử buộc ông H và bà C liên đới trả cho bà Đ 405.403.757 đồng.

Như vậy, cho thấy việc ông H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh L trước khi ông H vay tiền của bà Đ nên việc bà Đ cho rằng ông H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh L nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà chưa phù hợp. Ngoài ra, bà còn cho rằng "Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/3/2006 có xác nhận của UBND xã Phú Long, huyện C là không đúng. Vì ngày 19/3/2006 là ngày chủ nhật. Xét "Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/3/2006 có xác nhận của UBND xã Phú Long, huyện C cho thấy Ủy ban xã xác nhận nhưng không có ghi ngày tháng năm xác nhận. Còn ngày 19/3/2006 là ngày ông H và anh L làm "Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Tại phiên tòa

phúc thẩm ông H và anh L cũng xác định ngày 19/3/2006 là ngày làm "Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất" đến ngày hôm sau mới đem đến Ủy ban xã để xác nhận. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh Ủy ban nhân nhân xã Phú Long xác nhận "Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/3/2006 vào ngày chủ nhật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông H với anh L, không chấp nhận yêu cầu của bà về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H với anh L để bảo đảm thi Hnh án cho bà là có căn cứ.

Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Từ những cơ sở nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Để thuận tiện cho việc thi Hnh án, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên án.

Do không chấp nhận kháng cáo của bà Đ nên bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 167, Điều 203 Luật Đất đai; Điều 129 Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Đ.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chế Văn L.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Đ.

5. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Chế

Văn L với ông Chế Văn H theo "Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/3/2006.

6. Anh Chế Văn L được tiếp tục sử dụng 4.893,8m^2 đất thuộc thửa 98, tờ bản đồ số 04, tại xã Phú Long, huyện C, tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-1.

(Kèm theo Trích đo hiện trạng đất tranh chấp (chỉnh lý) ngày 12/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

7. Đương sự được đến cơ quan nH nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

8. Ông Lê Văn L phải trả lại cho ông Chế Văn H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 27/12/1993 do ông Chế Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

9. Về án phí:

- Ông Chế Văn H và bà Trần Thị C liên đới chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Chế Văn L được nhận lại 6.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 11821 ngày 01/12/2016 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện C.

- Bà Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 02823 ngày 18/01/2018 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0002024 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện C.

10. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Chế Văn H và bà Trần Thị C liên đới chịu 7.517.000 đồng. Do anh Chế Văn L đã nộp tạm ứng trước nên ông H và bà C liên đới trả lại cho anh L 7.517.000 đồng.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án, người phải thi Hnh án có quyền thỏa

thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt